

Số: 04/2025/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 06 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT- BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 48/TTr-STNMT ngày 24 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 02 năm 2025. Các dự án lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được lập trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa được thẩm định, phê duyệt thì thực hiện như sau:

- Đối với khối lượng công việc đã thực hiện trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không phải điều chỉnh theo quy định tại Quyết định này.
- Đối với khối lượng công việc chưa thực hiện thì điều chỉnh theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm tin học Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm
Đoàn Ngọc Lâm

QUY ĐỊNH

Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất áp dụng cho các công việc sau:

- 1.1. Lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;
- 1.2. Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

2. Đối tượng áp dụng

Định mức này áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước, các công ty, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Định mức này được sử dụng để tính đơn giá sản phẩm lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; làm căn cứ giao dự toán và quyết toán giá trị sản phẩm lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

3. Cơ sở xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường;

Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Thông tư số 29/2024/TT- BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BTNMT ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;

4. Giải thích thuật ngữ và quy định từ viết tắt

4.1. Giải thích thuật ngữ

a) Tỉnh chuẩn là lãnh thổ cấp tỉnh được chọn làm chuẩn để tham chiếu xây dựng định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Các tham số của tỉnh chuẩn được quy định tại điểm 5.1 khoản 5 Phần này.

b) Huyện chuẩn là lãnh thổ cấp huyện được chọn làm chuẩn để tham chiếu xây dựng định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. Các tham số của huyện chuẩn được quy định tại điểm 5.2 khoản 5 Phần này.

4.2. Quy định từ viết tắt

Bảng số 1

STT	Nội dung viết tắt	Viết tắt
1	Địa chính viên hạng II bậc 2	ĐCVC2
2	Địa chính viên hạng II bậc 3	ĐCVC3
3	Địa chính viên hạng III bậc 1	ĐCV1
4	Địa chính viên hạng III bậc 2	ĐCV2
5	Địa chính viên hạng III bậc 3	ĐCV3
6	Đơn vị tính	ĐVT
7	Số thứ tự	STT
8	Thời hạn sử dụng dụng cụ, máy móc, thiết bị (tháng)	Thời hạn (tháng)
9	Quy hoạch sử dụng đất	QHSDĐ
10	Kế hoạch sử dụng đất	KHSDĐ
11	Hội đồng nhân dân	HĐND
12	Ủy ban nhân dân	UBND
13	Tỉnh TB	Tỉnh trung bình
14	Huyện TB	Huyện trung bình

5. Hệ số điều chỉnh và nguyên tắc áp dụng

5.1. Định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh được quy định trong tập định mức này (M_{tb}) áp dụng cho đơn vị tỉnh có hệ số quy mô diện tích $K_s = 1,0$ (diện tích trung bình là 500.000 ha), hệ số đơn vị hành chính $K_{hc} = 1,0$ (số đơn vị hành chính cấp huyện trung bình là 9 huyện/tỉnh), hệ số áp lực về kinh tế $K_{kt} = 1,0$, hệ số áp lực về dân số $K_{ds} = 1,0$, hệ số áp lực về đô thị $K_{dt} = 1,0$.

Mức cụ thể cho tỉnh Quảng Bình (M_T) tính theo công thức sau:

$$M_T = M_{tb} \times K_{kt} \times K_{ds} \times K_s \times K_{hc} \times K_{dt}$$

Trong đó:

K_{kt} : Hệ số áp lực về kinh tế, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 2

GRDP bình quân/người (triệu đồng)	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (%)						
	<5,0	5,0-<6,0	6,0-<7,0	7,0-<8,0	8,0-<9,0	9,0-<10,0	≥ 10,0
<35	0,90	0,95	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20
35 - <40	0,95	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25
40 - <45	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30
45 - <50	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35
50 - <55	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40
55 - <60	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45
≥60	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45	1,50

Ghi chú: Các chỉ tiêu về kinh tế lấy theo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (số liệu năm định hình quy hoạch).

K_{ds} : Hệ số áp lực về dân số, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 3

Mật độ dân số trung bình (người/km ²)	K_{ds}
<110	0,70
110 - <290	0,71 - 0,99
290 - <350	1,00 - 1,03
350 - <500	1,04 - 1,07
500 - <700	1,08 - 1,13
700 - <900	1,14 - 1,19
900 - <1.100	1,20 - 1,25
1.100 - <1.300	1,26 - 1,31
1.300 - <1.500	1,32 - 1,37
≥1.500	1,38

Ghi chú:

- Số liệu mật độ dân số trung bình lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số áp lực về dân số được tính theo phương pháp nội suy.

K_s : Hệ số quy mô diện tích, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 4

Diện tích tự nhiên (ha)	K_s
<100.000	0,65
100.000 - <200.000	0,66 - 0,76
200.000 - <300.000	0,77 - 0,86
300.000 - <500.000	0,87 - 0,99
500.000 - <700.000	1,00 - 1,06
700.000 - <900.000	1,07 - 1,11
900.000 - <1.200.000	1,12 - 1,19
$\geq 1.200.000$	1,20

Ghi chú:

- Số liệu về diện tích tự nhiên lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số quy mô diện tích được tính theo phương pháp nội suy.

K_{hc} : Hệ số đơn vị hành chính, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 5

Số đơn vị hành chính cấp huyện	K_{hc}
<6	0,80
6 - <9	0,81 - 0,99
9 - <14	1,00 - 1,20
14 - <18	1,21 - 1,40
≥ 18	1,45

Ghi chú:

- Số liệu số đơn vị hành chính cấp huyện lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số đơn vị hành chính được tính theo phương pháp nội suy.

K_{dt} : Hệ số áp lực về đô thị, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 6

Loại đô thị của các thành phố trực thuộc TW	K_{dt}
Đô thị loại I	1,5
Đô thị đặc biệt	2,0

5.2. Định mức cho việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được quy định trong tập định mức này (M_{tb}) áp dụng cho đơn vị huyện có hệ số quy mô diện tích $K_s = 1,0$ (diện tích trung bình là 50.000 ha), hệ số đơn vị hành chính $K_{hc} = 1,0$ (số đơn vị hành chính cấp xã trung bình là 13 xã/huyện), hệ số áp lực về kinh tế $K_{kt} = 1,0$, hệ số áp lực về dân số $K_{ds} = 1,0$, hệ số áp lực về đô thị $K_{dt} = 1,0$.

Mức cụ thể cho từng huyện (M_H) tính theo công thức sau:

$$M_H = M_{tb} \times K_{kt} \times K_{ds} \times K_s \times K_{hc} \times K_{dt}$$

Trong đó:

K_{kt} : Hệ số áp lực về kinh tế, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 7

Giá trị sản xuất bình quân/người (triệu đồng)	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (%)						
	<4,0	4,0 - <6,0	6,0 - <8,0	8,0 - <10	10- <11,0	11,0 <12,5	≥12,5
<20	0,80	0,85	0,90	0,95	1,00	1,05	1,10
20 - <22	0,85	0,90	0,95	1,00	1,05	1,10	1,15
22 - <24	0,90	0,95	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20
24 - <26	0,95	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25
26 - <28	1,00	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30
28 - <30	1,05	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35
30 - <32	1,10	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40
32 - <34	1,15	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45
≥34	1,20	1,25	1,30	1,35	1,40	1,45	1,50

Ghi chú: Các chỉ tiêu về kinh tế lấy theo Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

K_{ds} : Hệ số áp lực về dân số, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 8

Mật độ dân số trung bình (người/km ²)	K_{ds}
<50	0,65
50 - <110	0,66 - 0,80
110 - <290	0,81 - 0,99
290 - <350	1,00 - 1,03
350 - <600	1,04 - 1,08
600 - <900	1,09 - 1,12
900 - <1.200	1,13 - 1,17
1200 - <1.500	1,18 - 1,22
≥ 1.500	1,23

Ghi chú:

- Số liệu mật độ dân số trung bình lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số áp lực về dân số được tính theo phương pháp nội suy.

K_s : Hệ số quy mô diện tích, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 9

Diện tích tự nhiên (ha)	K_s
<5.000	0,60
5.000 - <10.000	0,61 - 0,75
10.000 - <20.000	0,76 - 0,85
20.000 - <50.000	0,86 - 0,99
50.000 - <60.000	1,00 - 1,04
60.000 - <90.000	1,05 - 1,10
90.000 - <120.000	1,11 - 1,15
120.000 - <150.000	1,16 - 1,19
≥ 150.000	1,20

Ghi chú:

- Số liệu diện tích tự nhiên lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số về quy mô diện tích được tính theo phương pháp nội suy.

K_{hc} : Hệ số đơn vị hành chính, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 10

Số đơn vị hành chính cấp xã	K_{hc}
<7	0,80
7 - <13	0,81 - 0,99
13 - <17	1,00 - 1,15
17 - <22	1,16 - 1,25
22 - <27	1,26 - 1,35
27 - <32	1,36 - 1,45
≥ 32	1,50

Ghi chú:

- Số liệu về số đơn vị hành chính cấp xã lấy theo số liệu của ngành Thống kê tại thời điểm năm hiện trạng;

- Hệ số đơn vị hành chính được tính theo phương pháp nội suy.

K_{dt} : Hệ số áp lực về đô thị, được quy định chi tiết tại bảng sau:

Bảng số 11

Loại đô thị	K_{dt}
Các đô thị loại I thuộc tỉnh	1,30
Các đô thị loại II thuộc tỉnh	1,25
Các đô thị loại III thuộc tỉnh	1,20
Các đô thị loại IV thuộc tỉnh	1,15
Các đô thị loại V thuộc tỉnh	1,10

6. Các quy định khác

6.1. Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gồm các định mức thành phần sau:

6.1.1. Định mức lao động: Là thời gian lao động trực tiếp cần thiết để sản xuất ra một sản phẩm (hoặc để thực hiện một bước công việc hoặc thực hiện một công việc cụ thể) và thời gian lao động trực tiếp phục vụ trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo quy chế kiểm tra, nghiệm thu. Nội dung của định mức lao động bao gồm:

- Nội dung công việc: Liệt kê các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện bước công việc.

- Định biên: Xác định số lượng và cấp bậc lao động kỹ thuật cụ thể phù hợp với yêu cầu thực hiện của từng nội dung công việc theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tài nguyên và môi trường.

- Định mức: Quy định thời gian lao động trực tiếp cần thiết hoàn thành một đơn vị sản phẩm (thực hiện bước công việc) và thời gian lao động trực tiếp phục vụ trong quá trình kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm theo quy chế kiểm tra, nghiệm thu; đơn vị tính là công cá nhân hoặc công nhóm/đơn vị sản phẩm; ngày công (ca) tính bằng 08 giờ làm việc.

6.1.2. Định mức sử dụng vật liệu, dụng cụ và thiết bị

- Định mức sử dụng vật liệu là số lượng vật liệu cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm (thực hiện một công việc); đơn vị tính theo đơn vị của từng loại vật liệu/đơn vị sản phẩm.

- Định mức sử dụng dụng cụ và thiết bị: là thời gian sử dụng dụng cụ và thiết bị cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm (thực hiện một bước công việc); thời hạn sử dụng dụng cụ và thiết bị tính là tháng.

- Điện năng tiêu thụ của các dụng cụ, thiết bị dùng điện được tính trên cơ sở công suất và định mức sử dụng dụng cụ, thiết bị và được tính theo công thức:

Định mức điện = (Công suất thiết bị/giờ x 08 giờ làm việc x số ca sử dụng thiết bị) + 5% hao hụt.

- Định mức cho các dụng cụ có giá trị thấp được tính bằng 5% định mức dụng cụ được tính tại bảng định mức dụng cụ.

- Định mức vật liệu có giá trị thấp được tính bằng 8% định mức vật liệu được tính tại bảng định mức vật liệu.

6.2. Định mức này chỉ quy định mức cho các hoạt động trực tiếp lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các hoạt động lập nhiệm vụ; quản lý chung; thẩm định, kiểm tra, nghiệm thu, hội thảo; báo cáo tổng kết nhiệm vụ (nếu có) và các hoạt động khác có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ sẽ được xác định trong quá trình lập nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

7. Trong quá trình áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật này nếu có vướng mắc hoặc phát hiện bất hợp lý, đề nghị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Phần II

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Chương I

LẬP, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH

Mục 1

LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH

1. Định mức lao động

1.1. Nội dung công việc

Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất cấp quốc gia, liên tỉnh; quy hoạch tỉnh; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã

hội của tỉnh; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, chất lượng đất, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương; nguồn lực đầu tư công và các nguồn lực khác; tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, gồm:

a) Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;

b) Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

3. Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;

b) Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, của vùng trên địa bàn tỉnh; các công trình hạ tầng của tỉnh; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao và các yếu tố khác có liên quan); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

4. Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường, gồm:

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn và các yếu tố khác có liên quan);

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan);

c) Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan);

d) Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (nước biển dâng; xâm nhập mặn; hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất và các yếu tố khác có liên quan).

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất và các nội dung khác có liên quan).

3. Nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất, gồm:

- a) Bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động đến việc sử dụng đất;
- b) Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất;
- c) Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.

4. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh.

Bước 3. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

1. Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

2. Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

Bước 4. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

2. Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các yếu tố khác có liên quan).

4. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

5. Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

6. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

7. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.

8. Trường hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thì đánh giá hiện trạng, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.

Bước 5. Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất

1. Tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất từ kết quả điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch sử dụng đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Xây dựng báo cáo chuyên đề tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất trên địa bàn tỉnh.

Bước 6. Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

2. Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 7. Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Dự báo các yếu tố chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến xu thế biến động đất đai (dự báo kinh tế, xã hội, môi trường; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng và các yếu tố khác có liên quan).

2. Dự báo xu thế biến động đất đai của tỉnh, gồm: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 8. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm

1. Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng và các loại đất do cấp tỉnh xác định gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp huyện.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 9. Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất

1. Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất, gồm:

- a) Các chỉ tiêu về kinh tế;
- b) Các chỉ tiêu về xã hội;
- c) Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- d) Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;
- đ) Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.

3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện, gồm:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ cho cấp tỉnh;

b) Các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của tỉnh. Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại mà quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh không xác định thì được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện xác định.

4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện.

5. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

6. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

7. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện.

8. Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

9. Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

10. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh, gồm:

a) Đánh giá tác động đến nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất;

b) Đánh giá tác động đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Đánh giá tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực;

d) Đánh giá tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất; đất đai cho người dân tộc thiểu số;

đ) Đánh giá tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng; tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc;

e) Đánh giá tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, khả năng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.

11. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu;

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

12. Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

13. Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm:

a) Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (bản đồ số và bản đồ in);

b) Bản đồ chuyên đề, gồm: bản đồ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và các bản đồ chuyên đề cho các loại đất khác (nếu có) để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên bản đồ.

14. Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất.

Bước 10. Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất

1. Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và các tài liệu có liên quan.

2. Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất. ✓

1.2. Định mức

Bảng số 12

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghề	Ngoại nghề
Bước 1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, gồm: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất cấp quốc gia, liên tỉnh; quy hoạch tỉnh; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của tỉnh; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, chất lượng đất, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của tỉnh; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương; nguồn lực đầu tư công và các nguồn lực khác; tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	192	
2	Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập.			
a	Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin.	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	3	
b	Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	52	
3	Điều tra, khảo sát thực địa.			
a	Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa.	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		1
b	Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, của vùng trên địa bàn tỉnh; các công trình hạ tầng của tỉnh; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao,...); các thông tin tại các đơn vị hành	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		11

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có).			
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		3
4	Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	5 (1ĐCVC2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	45	
Bước 2	Phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh			
1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường.			
a	Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn;...).	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
b	Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản;...).	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
c	Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản;...).	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
d	Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (nước biển dâng; xâm nhập mặn; hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất; ...).	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	10	
2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất; ...).	5 (1ĐCVC2, 4ĐCV3)	33	
3	Nguồn lực, bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất.			

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghệp	Ngoại nghệp
a	Bối cảnh của tỉnh, của vùng tác động đến việc sử dụng đất.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	
b	Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	
c	Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	
4	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các yếu tố tự nhiên, kinh tế, xã hội, nguồn lực, bối cảnh của cấp tỉnh, của vùng tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của tỉnh.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	30	
Bước 3				
Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh				
1	Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	13	
2	Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	7	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	30	
Bước 4				
Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước				
1	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	
2	Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; ...).	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	38	
4	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	
5	Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	10	
6	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.	5 (1ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	9	
7	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	30	
Bước 5	Tổng hợp, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất			
1	Tổng hợp, phân tích đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất từ kết quả điều tra, đánh giá đất trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng định hướng, quy hoạch sử dụng đất gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	5 (1ĐCV2, 4ĐCV3)	23	
2	Xây dựng báo cáo chuyên đề tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất, thoái hóa đất của trên địa bàn tỉnh.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
Bước 6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch			
1	Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	21	2

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghề	Ngoại nghề
2	Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp tỉnh trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	42	4
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
Bước 7	Dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch			
1	Dự báo các yếu tố chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến xu thế biến động đất đai (dự báo kinh tế, xã hội, môi trường; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; ...).	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	21	2
2	Dự báo xu thế biến động đất đai của tỉnh, gồm: nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	42	4
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế biến động của việc sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
Bước 8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn sử dụng đất từ 20 đến 30 năm			
1	Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	21	2
2	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch đối với nhóm đất nông nghiệp, phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng và các loại đất do cấp tỉnh xác định gắn với không gian, phân vùng sử dụng đất theo từng đơn vị hành chính cấp huyện.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	42	4

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	7 (1ĐCV2, 5ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
Bước 9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất			
1	Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.			
a	Các chỉ tiêu về kinh tế.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
b	Các chỉ tiêu về xã hội.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
c	Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
d	Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
đ	Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	
2	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	22	
3	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện.			
a	Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ cho cấp tỉnh.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	22	
b	Các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của tỉnh. Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại mà quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh không xác định thì được quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện xác định.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	22	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
4	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
5	Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	32	12
6	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
7	Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp huyện.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
8	Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
9	Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	14	
10	Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến kinh tế, xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)		
a	Đánh giá tác động đến nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
b	Đánh giá tác động đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
c	Đánh giá tác động đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
d	Đánh tác động đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất; đất đai cho người dân tộc thiểu số.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
đ	Đánh giá tác động đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng; tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hoá các dân tộc.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
e	Đánh giá tác động đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên, khả năng đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	21	1
11	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)		
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	11	
12	Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	48	
13	Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.			
a	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh (bản đồ số và bản đồ in).	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	90	12
b	Bản đồ chuyên đề, gồm: bản đồ đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên và các bản đồ chuyên đề cho các loại đất khác (nếu có) tùy vào điều kiện của từng tỉnh để đảm bảo thể hiện được nội dung quy hoạch trên bản đồ.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	15	2

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
14	Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	45	
Bước 10	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất			
1	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và các tài liệu có liên quan.	7 (2ĐCV2, 4ĐCV3, 1ĐCV2)	105	
2	Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất.	6 (2ĐCV2, 3ĐCV3, 1ĐCV2)	35	
	Tổng		1.592	65

2. Định mức thiết bị

Bảng số 13

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/tính TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	96	2,5	1,4	
2	Máy scan A3	Cái	96	0,4	1,4	
3	Máy in A3	Cái	60	0,5	1	
4	Máy in A4	Cái	60	0,35	3	
5	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	2	
6	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	1	
7	Máy in Plotter	Cái	60	0,4	14,6	
8	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	5.594	
9	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	2.295	
10	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	645	
11	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	6,6	
12	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		277,5
13	Máy phôtô	Cái	96	1,5	14	
14	Điện năng	Kw			35.422	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước:

Bảng số 14

Đanh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	100,00	100,00
Bước 1	18,34	23,08
Bước 2	8,35	
Bước 3	3,14	
Bước 4	7,35	
Bước 5	2,39	
Bước 6	4,90	9,23
Bước 7	4,90	9,23
Bước 8	4,90	9,23
Bước 9	36,93	49,23
Bước 10	8,80	

3. Định mức dụng cụ

Bảng số 15

STT	Đanh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/tỉnh TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	4.647	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	4.647	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	6.971	
4	Ghế máy tính	Cái	96	6.971	
5	Chuột máy tính	Cái	12	6.971	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	6,56	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	6,56	
8	Giá để tài liệu	Cái	60	1.936	
9	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	1.936	
10	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	6.971	
11	Quần áo mưa	Bộ	12		278
12	Ba lô	Cái	24		555
13	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	60	1.936	
14	Lưu điện cho máy tính	Cái	60	6.971	

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/tính TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
15	Máy hút ẩm 2 Kw	Cái	60	645	
16	Máy hút bụi 1,5 Kw	Cái	60	387	
17	Quạt trần 0,1 Kw	Cái	60	968	
18	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		35
19	Sạc pin	Cái	12		17,50
20	Máy tính bảng	Cái	60		17,50
21	Bộ đèn neon 0,04 Kw	Bộ	36	1.936	
22	Điện năng	Kw		17.826	
23	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

Bảng số 16

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	100,00	100,00
Bước 1	18,34	23,08
Bước 2	8,35	
Bước 3	3,14	
Bước 4	7,35	
Bước 5	2,39	
Bước 6	4,90	9,23
Bước 7	4,90	9,23
Bước 8	4,90	9,23
Bước 9	36,93	49,23
Bước 10	8,80	

4. Định mức vật liệu

Bảng số 17

STT	Đanh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho tỉnh TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	40	
2	USB (32G)	Cái	79	
3	Bút dạ màu	Bộ	14	30
4	Bút nhớ dòng	Cái		60
5	Bút bi nước My gel	Cái	176	
6	Mực in A3 Laser	Hộp	3,36	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	12,5	
8	Mực in màu A4	Hộp	5,6	
9	Mực in màu A3	Hộp	2,24	
10	Mực in Plotter (6 hộp)	Bộ	2,34	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	0,78	
12	Đầu phun màu A4	Chiếc	1,87	
13	Đầu phun màu A3	Chiếc	0,75	
14	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	8	
15	Mực phôi tô	Hộp	32,5	
16	Sổ ghi chép	Cuốn		176
17	Giấy A3	Gram	11,2	
18	Giấy A4	Gram	166,2	
19	Giấy in A0	Cuộn	11,69	
20	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

Bảng số 18

Đanh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	100,00	100,00
Bước 1	18,34	23,08
Bước 2	8,35	
Bước 3	3,14	
Bước 4	7,35	

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 5	2,39	
Bước 6	4,90	9,23
Bước 7	4,90	9,23
Bước 8	4,90	9,23
Bước 9	36,93	49,23
Bước 10	8,80	

Mục 2

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH

1. Định mức lao động

Thực hiện theo khoản 1, Mục 1, Chương I, Phần II của Quy định này.

2. Định mức thiết bị

Thực hiện theo khoản 2, Mục 1, Chương I, Phần II của Quy định này.

3. Định mức dụng cụ

Thực hiện theo khoản 3, Mục 1, Chương I, Phần II của Quy định này.

4. Định mức vật liệu

Thực hiện theo khoản 4, Mục 1, Chương I, Phần II của Quy định này.

Chương II

LẬP, ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN

Mục 1

LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN

1. Định mức lao động

1.1. Nội dung công việc

Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, gồm: quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch đô thị của thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp không lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của cấp huyện; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ trước của cấp huyện; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các

ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã; định mức sử dụng đất, tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, gồm:

a) Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;

b) Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp huyện.

3. Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;

b) Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp huyện (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp huyện; các công trình hạ tầng của cấp huyện; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của huyện và các yếu tố khác có liên quan); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có);

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

4. Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp huyện

1. Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường, gồm:

a) Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn và các yếu tố khác có liên quan);

b) Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; biển; khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan);

c) Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản và các yếu tố khác có liên quan);

d) Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (nước biển dâng; xâm nhập mặn; hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất và các yếu tố khác có liên quan).

2. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất và các yếu tố khác có liên quan).

3. Xây dựng các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp huyện.

Bước 3. Phân tích, đánh giá các nguồn lực của huyện và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp huyện

1. Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất.

2. Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các nguồn lực của huyện và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp huyện.

Bước 4. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

1. Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.

2. Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.

3. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.

Bước 5. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

2. Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

3. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các nội dung khác có liên quan).

4. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

5. Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

6. Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

7. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện kỳ trước.

8. Trường hợp điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thì đánh giá hiện trạng, biến động sử dụng đất và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến thời điểm tổ chức điều chỉnh.

Bước 6. Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp huyện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.
2. Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp huyện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.
3. Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 7. Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Dự báo các yếu tố tác động đến xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất (dự báo về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, kinh tế, xã hội, kết quả điều tra đánh giá về chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, tiềm năng đất đai; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng và các yếu tố khác có liên quan).
2. Dự báo xu thế chuyển dịch đất đai của huyện, gồm: các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.
3. Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 8. Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch

1. Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.
2. Định hướng sử dụng đất, tầm nhìn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm phù hợp, đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn.
3. Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.

Bước 9. Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất

1. Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất, gồm:
 - a) Các chỉ tiêu về kinh tế;
 - b) Các chỉ tiêu về xã hội;
 - c) Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh;
 - d) Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu;
 - đ) Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ, trong đó xác định diện tích các loại đất để bảo đảm chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.

3. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và phân theo đơn vị hành chính cấp xã, gồm:

a) Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho cấp huyện;

b) Các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong kỳ quy hoạch sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của huyện.

4. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.

5. Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

6. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

7. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.

8. Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

9. Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

10. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất, gồm:

a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu;

b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất;

c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

11. Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.

12. Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

13. Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Bước 10. Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ, gồm:

a) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch;

b) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai;

c) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp huyện dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch;

d) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản này theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

2. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. Xác định diện tích đất cần thu hồi đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.

4. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.

5. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.

6. Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này. Việc xác định danh mục các công trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đầu tư quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi.

7. Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch.

8. Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, gồm:

a) Bản đồ kế hoạch sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đối với các khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản này đến từng thửa đất trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.

9. Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Bước 11. Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

1. Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; các tài liệu có liên quan.

2. Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

1.2. Định mức

Bảng số 19

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghề	Ngoại nghề
Bước 1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, gồm: quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch đô thị của thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp không lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của cấp huyện; hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai, tiềm năng đất đai và kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất thời kỳ trước của cấp huyện; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã; định mức sử dụng đất, tiến bộ khoa học và công nghệ có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	35	
2	Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập.			
a	Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
b	Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
3	Điều tra, khảo sát thực địa.			
a	Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch khảo sát thực địa.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)		1
b	Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất năm đầu	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)		12

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
	cấp huyện (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp huyện; các công trình hạ tầng của cấp huyện; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của huyện...); các thông tin tại các đơn vị hành chính cấp dưới trực tiếp phục vụ để tiến hành khoanh vùng định hướng không gian sử dụng đất, dự báo xu thế chuyển dịch đất đai và các nội dung khác liên quan (nếu có).			
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)		3
4	Tổng hợp lập báo cáo kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	40	
Bước 2	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp huyện			
1	Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường.			
a	Phân tích đặc điểm điều kiện tự nhiên (vị trí địa lý; địa hình, địa mạo; địa chất; khí hậu; thủy văn; ...).	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
b	Phân tích đặc điểm các nguồn tài nguyên (đất; nước; rừng; khoáng sản; nhân văn;...).	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
c	Phân tích hiện trạng môi trường (không khí; nước; đất; chất thải rắn; sản xuất nông nghiệp và làng nghề; hoạt động khai thác khoáng sản;...).	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
d	Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất (hoang mạc hóa, sa mạc hóa; xói mòn, sạt lở đất;...).	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	12	
2	Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội (tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo khu vực kinh tế; thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	15	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
	vực; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất; ...).			
3	Xây dựng các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và biến đổi khí hậu tác động đến sử dụng đất của cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	30	
Bước 3	Phân tích, đánh giá các nguồn lực của huyện và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp huyện			
1	Phân tích, đánh giá các nguồn lực tự nhiên, nguồn nhân lực, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khả năng đầu tư công và thu hút đầu tư ngoài ngân sách có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
2	Phân tích, đánh giá các nguồn lực khác có liên quan đến việc sử dụng đất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá các nguồn lực của huyện và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất của cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	15	
Bước 4	Phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất cấp huyện			
1	Phân tích tình hình thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 20 Luật Đất đai có liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
2	Đánh giá mặt được, tồn tại và nguyên nhân.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất theo các nội dung quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến quy hoạch sử dụng đất.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	85	
Bước 5	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10			

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghị	Ngoại nghị
	năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước			
1	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	
2	Biến động sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
3	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; ...).	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
4	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
5	Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	6	
6	Lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phục vụ lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	9	
7	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, biến động sử dụng đất 10 năm trước, kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện kỳ trước.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	85	
Bước 6	Xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch			
1	Quan điểm sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp huyện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
2	Mục tiêu sử dụng đất đối với nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp, nhóm đất chưa sử dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cấp huyện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề xác định các quan điểm và mục tiêu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	30	
Bước 7	Dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch			
1	Dự báo các yếu tố tác động đến xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất (dự báo về điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, kinh tế, xã hội, kết quả điều tra đánh giá về chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, tiềm năng đất đai; quốc phòng, an ninh; dự báo tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng; ...).	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
2	Dự báo xu thế chuyển dịch đất đai của huyện, gồm: các loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và khả năng khai thác đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch sử dụng đất và các loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề dự báo xu thế chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	30	
Bước 8	Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch			
1	Xác định cơ sở xây dựng định hướng sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	2
2	Định hướng sử dụng đất, tầm nhìn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm phù hợp, đồng bộ giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch giao thông, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	2
3	Xây dựng báo cáo chuyên đề định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	32	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 9	Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất			
1	Xác định các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.			
a	Các chỉ tiêu về kinh tế.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
b	Các chỉ tiêu về xã hội.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
c	Các chỉ tiêu về bảo đảm quốc phòng, an ninh.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
d	Các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
đ	Các chỉ tiêu về phát triển kết cấu hạ tầng.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
2	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng theo quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, trong đó xác định diện tích các loại đất để bảo đảm chính sách hỗ trợ đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ kèm theo.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
3	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.			
a	Chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	52	12
b	Các chỉ tiêu sử dụng đất còn lại trong kỳ quy hoạch sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
4	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong thời kỳ quy hoạch và phân theo đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	
5	Xác định diện tích đất cần thu hồi trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	11	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
6	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	11	
7	Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
8	Khoanh vùng các khu vực sử dụng đất cần quản lý nghiêm ngặt trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã, gồm: đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
9	Phân kỳ quy hoạch sử dụng cho từng kỳ kế hoạch 05 năm theo nội dung quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này. Đối với nội dung quy định tại khoản 3 Điều này được phân đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
10	Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất.			
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện quy hoạch sử dụng đất.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
11	Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	48	
12	Lập bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	90	10
13	Xây dựng báo cáo chuyên đề về phương án quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	30	
Bước 10	Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện			
1	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử			

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.			
a	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	28	
b	Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	4
c	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp huyện dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch.	6(5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
d	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản này theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	6(5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
2	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
3	Xác định diện tích đất cần thu hồi đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	11	
4	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	2
5	Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	2
6	Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại	6(5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
	điểm a, b và c khoản 1 Điều này. Việc xác định danh mục các công trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi.			
7	Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
8	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
a	Bản đồ kế hoạch sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đối với các khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.	5(4ĐCV3, 1ĐCV1)	22	8
b	Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản này đến từng thửa đất trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.	5(4ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
9	Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	85	
Bước 11	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện			
1	Xây dựng báo cáo quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; các tài liệu có liên quan.	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	40	
2	Xây dựng báo cáo tóm tắt quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm	7 (6ĐCV3, 1ĐCV1)	20	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
	đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.			
	Tổng		1.182	58

2. Định mức thiết bị

Bảng số 20

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/huyện TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy scan A0	Cái	96	2,5	0,7	
2	Máy scan A3	Cái	96	0,4	0,7	
3	Máy in A3	Cái	60	0,5	0,8	
4	Máy in A4	Cái	60	0,35	4,2	
5	Máy in màu A4	Cái	60	0,35	1,1	
6	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	0,8	
7	Máy in Plotter	Cái	60	0,4	15	
8	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	6.080	
9	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	2.740	
10	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	715	
11	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	3,13	
12	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		53
13	Máy phôtô	Cái	96	1,5	3	
14	Điện năng	Kw			39.280	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước:

Bảng số 21


Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất	100,00	100,00

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện		
Bước 1	7,45	27,59
Bước 2	6,01	
Bước 3	1,95	
Bước 4	8,21	
Bước 5	11,17	
Bước 6	3,38	
Bước 7	3,38	
Bước 8	5,41	6,90
Bước 9	29,78	37,93
Bước 10	18,18	27,58
Bước 11	5,08	

3. Định mức dụng cụ

Bảng số 22

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/huyện TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	5.149	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	5.149	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	7.724	
4	Ghế máy tính	Cái	96	7.724	
5	Chuột máy tính	Cái	12	7.724	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	3,13	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	3,13	
8	Giá để tài liệu	Cái	60	2.146	
9	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	2.146	



STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/huyện TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
10	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	7.724	
11	Quần áo mưa	Bộ	12		237,50
12	Ba lô	Bộ	12		475
13	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	36	2.146	
14	Lưu điện cho máy tính	Cái	36	7.724	
15	Máy hút ẩm 2 Kw	Cái	60	715,33	
16	Máy hút bụi 1,5 Kw	Cái	60	429	
17	Quạt trần 0,1 Kw	Cái	60	1.073	
18	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		237,50
19	Sạc pin	Cái	60		118,75
20	Máy tính bảng	Cái	60		237,50
21	Bộ đèn neon 0,04 Kw	Bộ	36	2.146	
22	Điện năng	Kw		19.766	
23	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

Bảng số 23

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	100,00	100,00
Bước 1	7,45	27,59
Bước 2	6,01	
Bước 3	1,95	
Bước 4	8,21	
Bước 5	11,17	
Bước 6	3,38	

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 7	3,38	
Bước 8	5,41	6,90
Bước 9	29,78	37,93
Bước 10	18,18	27,58
Bước 11	5,08	

4. Định mức vật liệu

Bảng số 24

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	47	
2	USB (32G)	Cái	81	
3	Bút dạ màu	Bộ		45
4	Bút nhớ dòng	Cái	45	
5	Bút bi nước My gel	Cái		94
6	Mực in A3 Laser	Hộp	2	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	15	
8	Mực in màu A4	Hộp	4	
9	Mực in màu A3	Hộp	2	
10	Mực in Plotter (6 hộp)	Bộ	2	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	1	
12	Đầu phun màu A4	Chiếc	1	
13	Đầu phun màu A3	Chiếc	1	
14	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	5	
15	Mực phô tô	Hộp	23	
16	Sổ ghi chép	Cuốn		94
17	Giấy A3	Gram	8	
18	Giấy A4	Gram	130	
19	Giấy in A0	Cuộn	12	

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
20	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

Bảng số 25

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	100,00	100,00
Bước 1	7,45	27,59
Bước 2	6,01	
Bước 3	1,95	
Bước 4	8,21	
Bước 5	11,17	
Bước 6	3,38	
Bước 7	3,38	
Bước 8	5,41	6,90
Bước 9	29,78	37,93
Bước 10	18,18	27,58
Bước 11	5,08	

Mục 2

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN

1. Định mức lao động

Thực hiện theo khoản 1, Mục 1, Chương II, Phần II của Quy định này.

2. Định mức thiết bị

Thực hiện theo khoản 2, Mục 1, Chương II, Phần II của Quy định này.

3. Định mức dụng cụ

Thực hiện theo khoản 3, Mục 1, Chương II, Phần II của Quy định này.

4. Định mức vật liệu

Thực hiện theo khoản 4, Mục 1, Chương II, Phần II của Quy định này.

Chương III
LẬP, ĐIỀU CHỈNH LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HÀNG NĂM
CẤP HUYỆN

Mục 1

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HÀNG NĂM CẤP HUYỆN

1. Định mức lao động

1.1. Nội dung công việc

Bước 1. Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu

1. Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu có liên quan đến lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, gồm: Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch đô thị đối với trường hợp không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; hiện trạng sử dụng đất; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực của các cấp, của các tổ chức, của cá nhân; các công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư; khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

2. Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập, gồm:

a) Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin;

b) Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

3. Điều tra, khảo sát thực địa, gồm:

a) Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa;

b) Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp huyện; các công trình hạ tầng của cấp huyện; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của huyện và các nội dung khác có liên quan);

c) Chính lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.

4. Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.

Bước 2. Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và nguồn lực tác động đến sử dụng đất của cấp huyện

1. Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc sử dụng đất tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

3. Phân tích, đánh giá bổ sung các nguồn lực của huyện và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

4. Xây dựng các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và nguồn lực tác động đến sử dụng đất của cấp huyện.

Bước 3. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

2. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất; kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; kết quả thực hiện các công trình, dự án và các nội dung khác có liên quan).

3. Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.

4. Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.

5. Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

Bước 4. Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện

1. Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, gồm:

a) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch;

b) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai;

c) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp huyện dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch;

d) Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản 1 Điều này theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đối với trường hợp không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

2. Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

3. Xác định diện tích đất cần thu hồi đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.
4. Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.
5. Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.
6. Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này. Việc xác định danh mục các công trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi.
7. Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch.
8. Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất, gồm:
 - a) Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu;
 - b) Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất;
 - c) Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.
9. Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.
10. Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, gồm:
 - a) Bản đồ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đối với các khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc bản đồ quy hoạch chung hoặc bản đồ quy hoạch phân khu được phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị;
 - b) Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản này đến từng thửa đất trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.
11. Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

Bước 5. Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất

1. Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện; các tài liệu có liên quan.
2. Xây dựng báo cáo tóm tắt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

1.2. Định mức

Bảng số 26

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Bước 1	Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu			
1	Điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu có liên quan đến lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, gồm: Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch đô thị đối với trường hợp không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; hiện trạng sử dụng đất; kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước; nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực của các cấp, của các tổ chức, của cá nhân; các công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư; khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch sử dụng đất.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	29	16
2	Tổng hợp, phân loại và đánh giá các thông tin, tài liệu điều tra, thu thập.			
a	Sắp xếp, phân loại theo chuyên mục, nguồn thông tin.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
b	Phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan để lựa chọn thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ sử dụng trong lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.	4 (3ĐCV3, 1ĐCV1)	2	
3	Điều tra, khảo sát thực địa.			
a	Xác định những nội dung cần điều tra, khảo sát thực địa; xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát thực địa.	5 (3ĐCV3, 2ĐCV1)		1
b	Điều tra, khảo sát thực địa, gồm: các nội dung chính tác động đến kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện (các khu vực dự kiến phát triển các công trình hạ tầng của quốc gia, vùng, tỉnh trên địa bàn cấp huyện; các công trình hạ tầng của cấp huyện; các khu vực có khả năng phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại - dịch vụ, khu vực chuyên canh lúa chất lượng cao, khu vực	5 (3ĐCV3, 2ĐCV1)		12

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
	có lợi thế cho phát triển các ngành, lĩnh vực của huyện...).			
c	Chỉnh lý bổ sung thông tin, tài liệu trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực địa.	5 (3ĐCV3, 2ĐCV1)		3
4	Tổng hợp và xây dựng báo cáo chuyên đề kết quả điều tra, thu thập các thông tin, tài liệu.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	24	
Bước 2	Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và nguồn lực tác động đến sử dụng đất của cấp huyện			
1	Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
2	Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc sử dụng đất tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
3	Phân tích, đánh giá bổ sung các nguồn lực của huyện và tính tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
4	Xây dựng các báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, hiện trạng môi trường và nguồn lực tác động đến sử dụng đất của cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	51	
Bước 3	Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước			
1	Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	7	
2	Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước (kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất;	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	5	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghị	Ngoại nghị
	kết quả thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; kết quả thực hiện các công trình, dự án; ...).			
3	Phân tích, đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
4	Phân tích, đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
5	Xây dựng báo cáo chuyên đề phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	51	
bước 4	Xây dựng kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện			
1	Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất và xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất trong nhóm đất nông nghiệp, nhóm đất phi nông nghiệp và nhóm đất chưa sử dụng quy định tại Điều 9 Luật Đất đai và các điều 4, 5 và 6 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.			
a	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất đã được xác định trong năm kế hoạch trước và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	28	
b	Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	4
c	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai của cấp huyện dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
d	Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo các điểm a, b và c khoản 1 Điều này theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
2	Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
3	Xác định diện tích đất cần thu hồi đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	2
4	Xác định diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp xã trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	16	2
5	Xác định ranh giới, vị trí, diện tích khu vực lấn biển để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, phi nông nghiệp.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	2
6	Xác định danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, gồm: các công trình, dự án quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này. Việc xác định danh mục các công trình, dự án phải xác định cụ thể các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số (nếu có); diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	8	
7	Dự kiến các nguồn thu, chi từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và thu hồi đất trong năm kế hoạch.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	3	
8	Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.			
a	Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
b	Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	

STT	Nội dung công việc	Định biên (người/nhóm)	Định mức (công nhóm)	
			Nội nghịệp	Ngoại nghịệp
c	Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	1	
9	Xây dựng hệ thống biểu số liệu, sơ đồ, biểu đồ.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	5	
10	Lập bản đồ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.			
a	Bản đồ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đối với các khu vực có công trình, dự án nằm trong danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hoặc bản đồ quy hoạch chung hoặc bản đồ quy hoạch phân khu được phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	22	8
b	Bản đồ hoặc bản vẽ thể hiện vị trí, ranh giới, diện tích, loại đất đối với các công trình, dự án quy định tại điểm a khoản này đến từng thửa đất trên nền bản đồ địa chính. Trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã.	5 (4ĐCV3, 1ĐCV1)	10	
11	Xây dựng báo cáo chuyên đề kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	51	
Bước 5	Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất			
a	Xây dựng báo cáo kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện; các tài liệu có liên quan.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	12	
b	Xây dựng báo cáo tóm tắt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.	6 (5ĐCV3, 1ĐCV1)	4	
	Tổng		405	50

2. Định mức thiết bị

Bảng số 1

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Công suất (Kw/h)	Định mức (ca/huyện TB)	
					Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Máy in A3	Cái	60	0,5	1,0	
2	Máy in A4	Cái	60	0,35	2,0	
3	Máy in màu A3	Cái	60	0,35	1,0	
4	Máy in Plotter	Cái	60	0,4	13,8	
5	Máy vi tính	Bộ	60	0,35	1.238	
6	Bộ máy tính cấu hình cao	Bộ	60	0,35	240	
7	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	96	2,2	128	
8	Máy chiếu Projector	Cái	60	0,5	1,88	
9	Máy tính xách tay	Cái	60	0,5		154
10	Máy phô tô	Cái	96	1,5	1,74	
11	Điện năng	Kw			6.800	

Cơ cấu (%) thiết bị theo các bước:

Bảng số 2

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện	100,00	100,00
Bước 1	13,83	64,00
Bước 2	16,30	
Bước 3	18,02	
Bước 4	47,90	36,00
Bước 5	3,95	

3. Định mức dụng cụ

Bảng số 3

STT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	Thời hạn sử dụng (tháng)	Định mức (ca/huyện TB)	
				Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Bàn làm việc	Cái	96	921	
2	Ghế văn phòng	Cái	96	921	
3	Bàn để máy tính	Cái	96	1.382	
4	Ghế máy tính	Cái	96	1.382	
5	Chuột máy tính	Cái	12	1.382	
6	Bút trình chiếu	Cái	12	1,88	
7	Màn chiếu điện	Cái	12	1,88	
8	Giá để tài liệu	Cái	60	384	
9	Hòm đựng tài liệu	Cái	60	384	
10	Cặp đựng tài liệu	Cái	60	1.382	
11	Quần áo mưa	Bộ	12		154
12	Ba lô	Bộ	12		308
13	Ổn áp dùng chung 10A	Cái	36	384	
14	Lưu điện cho máy tính	Cái	36	1.382	
15	Máy hút ẩm 2 Kw	Cái	60	128	
16	Máy hút bụi 1,5 Kw	Cái	60	77	
17	Quạt trần 0,1 Kw	Cái	60	192	
18	Máy định vị cầm tay (GPS)	Cái	60		154
19	Sạc pin	Cái	60		77
20	Máy tính bảng	Cái	60		154
21	Bộ đèn neon 0,04 Kw	Bộ	36	384	
22	Điện năng	Kw		3.540	
23	Dụng cụ có giá trị thấp	%		5	5

Cơ cấu (%) dụng cụ theo các bước:

Bảng số 4

Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện	100,00	100,00
Bước 1	13,83	64,00
Bước 2	16,30	
Bước 3	18,02	
Bước 4	47,90	36,00
Bước 5	3,95	

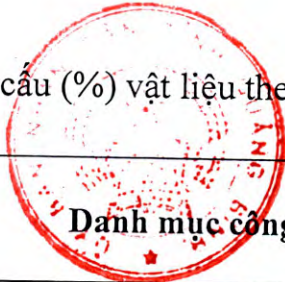
3. Định mức vật liệu

Bảng số 1

STT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Định mức (tính cho huyện TB)	
			Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
1	Đĩa CD	Cái	31	
2	USB (32G)	Cái	81	
3	Bút dạ màu	Bộ		18
4	Bút nhớ dòng	Cái	45	
5	Bút bi nước My gel	Cái		94
6	Mực in A3 Laser	Hộp	2	
7	Mực in A4 Laser	Hộp	8	
8	Mực in màu A4	Hộp	1	
9	Mực in màu A3	Hộp	2	
10	Mực in Plotter (6 hộp)	Bộ	2	
11	Đầu phun màu A0	Chiếc	1	
12	Đầu phun màu A3	Chiếc	1	
13	Ổ cứng gắn ngoài (2TB)	Cái	5	
14	Mực phô tô	Hộp	13	
15	Sổ ghi chép	Cuốn		94
16	Giấy A3	Gram	8	
17	Giấy A4	Gram	70	
18	Giấy in A0	Cuộn	11	
19	Vật liệu có giá trị thấp	%	8	8

Cơ cấu (%) vật liệu theo các bước:

Bảng số 2

 Danh mục công việc	Cơ cấu (%)	
	Nội nghiệp	Ngoại nghiệp
Lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện	100,00	100,00
Bước 1	13,83	64,00
Bước 2	16,30	
Bước 3	18,02	
Bước 4	47,90	36,00
Bước 5	3,95	

Mục 2

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HẰNG NĂM CẤP HUYỆN

1. Định mức lao động

Thực hiện theo khoản 1, Mục 1, Chương III, Phần II của Quy định này.

2. Định mức thiết bị

Thực hiện theo khoản 2, Mục 1, Chương III, Phần II của Quy định này.

3. Định mức dụng cụ

Thực hiện theo khoản 3, Mục 1, Chương III, Phần II của Quy định này.

4. Định mức vật liệu

Thực hiện theo khoản 4, Mục 1, Chương III, Phần II của Quy định này.